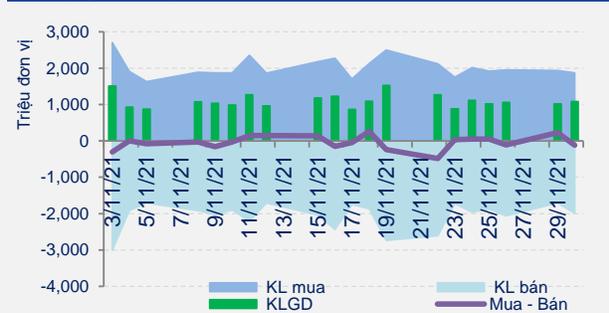


# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 30/11/2021

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,478.44	458.05
% Thay đổi	↓ -0.43%	↓ -0.55%
KLGD (CP)	1,084,326,155	173,617,275
GTGD (tỷ đồng)	34,354.09	4,730.66
Tổng cung (CP)	1,986,563,700	216,760,600
Tổng cầu (CP)	1,870,501,300	192,231,300

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	53,032,630	2,342,155
KL mua (CP)	31,778,400	1,664,650
GT mua (tỷ đồng)	1,748.08	138.61
GT bán (tỷ đồng)	2,353.59	95.26
GT ròng (tỷ đồng)	(605.51)	43.36

**Tương quan cung cầu** HOSE

**Giá trị Giao dịch NĐTNN** HOSE


Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -0.94%	24.3	3.9	1.1%
Công nghiệp	↑ 1.72%	24.2	3.4	14.9%
Dầu khí	↓ -0.06%	17.9	1.9	1.8%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -0.42%	-	6.5	2.0%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.34%	18.4	2.7	1.0%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.57%	23.2	4.1	9.9%
Ngân hàng	↓ -2.13%	12.1	2.4	19.0%
Nguyên vật liệu	↑ 2.17%	11.5	2.7	13.2%
Tài chính	↓ -0.03%	21.0	3.7	35.6%
Tiền ịch Cộng đồng	↓ -0.61%	16.2	2.6	1.5%
VN - Index	↓ -0.43%	17.6	3.0	
HNX - Index	↓ -0.55%	25.3	5.1	

## ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường điều chỉnh nhẹ trong phiên thứ ba liên tiếp với thanh khoản dưới mức trung bình. Cụ thể, VN-Index giảm 6,4 điểm (-0,43%) xuống 1.478,44 điểm. Độ rộng trên sàn HOSE là trung tính với 250 mã tăng, 48 mã tham chiếu, 240 mã giảm. HNX-Index giảm 2,53 điểm (-0,55%) xuống 458,05 điểm. Độ rộng trên sàn HNX là trung tính với 133 mã tăng, 59 mã tham chiếu, 142 mã giảm. Thanh khoản khớp lệnh trên hai sàn tăng nhẹ so với phiên trước đó nhưng vẫn thấp hơn mức trung bình 20 phiên với khối lượng khớp lệnh 1.200 triệu cổ phiếu tương ứng với giá trị khớp lệnh 36.810 tỷ đồng. Nhóm ngân hàng tiếp tục chịu áp lực bán khiến cho hầu hết các cổ phiếu thuộc nhóm này đều đóng cửa trong sắc đỏ, có thể kể đến như TCB (-1%), STB (-3,3%), VPB (-1,8%), MBB (-2,7%), SHB (-2,5%), LPB (-2,8%), OCB (-5,4%), MSN (-4,4%), CTG (-2%), TPB (-4,4%), HDB (-3,2%), VIB (-3,3%), ACB (-2,5%)... đã tạo nên áp lực điều chỉnh lên thị trường chung. Nhóm cổ phiếu chứng khoán tăng khá tốt trong phiên sáng nhưng về chiều, áp lực gia tăng khiến nhóm này thu hẹp mức tăng, thậm chí từ tăng chuyển thành giảm như VND (-1,1%), HCM (-0,4%), ORS (-2,7%), MBS (-2,5%), APS (-4%)... Ở chiều ngược lại, dòng tiền tiếp tục hướng tới các cổ phiếu bất động sản, xây dựng giúp nhóm này tăng mạnh, thậm chí nhiều mã tăng trần như DXG (+6,9%), ITC (+6,9%), DXS (+6,9%), FCN (+6,8%), CTD (+7%), VGC (+7%), HUT (+9,9%), G36 (+15%)... Nhóm cổ phiếu thép cũng có sự hồi phục tốt với HPG (+1,1%), HSG (+1,7%), NKG (+1,2%), TLH (+3%)...

## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thị trường mà đại diện là chỉ số VN-Index (-0,43%) giảm nhẹ trong phiên thứ ba liên tiếp. Thanh khoản khớp lệnh tuy tăng nhẹ so với phiên trước đó nhưng vẫn thấp hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy áp lực bán ra là không thực sự mạnh và hiện tượng báo tháo là chưa diễn ra trên thị trường. Trên góc nhìn kỹ thuật, VN-Index vẫn kết phiên trên vùng hỗ trợ ngắn hạn 1.465-1.470 điểm (MA20) nên khả năng hồi phục để lấy lại ngưỡng 1.500 điểm trong các phiên tới là có thể xảy ra. Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 1/12, VN-Index có thể sẽ hồi phục trở lại để hướng dần đến ngưỡng kháng cự tâm lý 1.500 điểm. Trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán gia tăng thì VN-Index có thể sẽ cần test lại hỗ trợ 1.465-1.470 điểm (MA20) và xa hơn là hỗ trợ tâm lý 1.450 điểm. Nhà đầu tư đã mua vào khi thị trường vượt vùng đỉnh cũ 1.420-1.425 điểm và mua thêm khi thị trường test hỗ trợ tâm lý 1.450 điểm đã chốt lời một phần danh mục trong tuần trước nên duy trì tỷ trọng cổ phiếu ở mức vừa phải trong giai đoạn hiện tại.

# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 30/11/2021

## DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

### VN-Index:

VN-Index tăng điểm trong phần lớn thời gian phiên hôm nay, với mức cao nhất trong phiên tại 1.503,09 điểm. Nhưng kể từ phiên chiều, áp lực bán gia tăng khiến chỉ số đảo chiều xuống sắc đỏ, với mức thấp nhất trong phiên tại 1.471,57 điểm. Kết phiên, VN-Index giảm 6,4 điểm (-0,43%) xuống 1.478,44 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: VCB giảm 2.200 đồng, MSN giảm 3.300 đồng, CTG giảm 700 đồng. Ở chiều ngược lại, GVR tăng 2.000 đồng.

### HNX-Index:

HNX-Index cũng tăng điểm trong phần lớn thời gian phiên hôm nay, với mức cao nhất trong phiên tại 464,01 điểm. Nhưng từ chiều trở đi, áp lực bán gia tăng khiến chỉ số đảo chiều xuống sắc đỏ, với mức thấp nhất trong phiên tại 456,36 điểm. Kết phiên, HNX-Index giảm 2,53 điểm (-0,55%) xuống 458,05 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: CEO giảm 4.500 đồng, BAB giảm 700 đồng, IDJ giảm 3.500 đồng. Ở chiều ngược lại, NVB tăng 800 đồng.

## GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

**Trên HOSE**, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 608,74 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 18,5 triệu đơn vị. HPG là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 119,4 tỷ đồng tương ứng với 2,4 triệu cổ phiếu, tiếp theo là SSI với 109,2 tỷ đồng tương ứng với 1,9 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, VHM là mã được mua ròng nhiều nhất với 125,3 tỷ đồng tương ứng với 1,5 triệu cổ phiếu.

**Trên HNX**, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 43,26 tỷ đồng. SHS là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 44,5 tỷ đồng tương ứng với 813,5 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là THD với 32,7 tỷ đồng tương ứng với 129 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, CEO là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 19,2 tỷ đồng tương ứng với 461 nghìn cổ phiếu.

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

### VN-Index:



VN-Index giảm nhẹ trong phiên thứ ba liên tiếp với khối lượng khớp lệnh gia tăng so với phiên trước đó nhưng vẫn thấp hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy áp lực bán ra là không thực sự mạnh và hiện tượng bán tháo đã không diễn ra trên thị trường.

Theo lý thuyết sóng Elliot áp dụng trên biểu đồ tuần thì có thể thấy là VN-Index vẫn đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết trong khoảng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4 trước đó).

Với phiên điều chỉnh nhẹ thứ ba liên tiếp thì chỉ số VN-Index (-0,43%) tiếp tục kết phiên trên vùng hỗ trợ ngắn hạn 1.465-1.470 điểm (MA20) nên xu hướng tăng thuộc sóng 5 của thị trường vẫn chưa có gì thay đổi và khả năng để VN-Index hướng đến kháng cự tâm lý 1.500 điểm trong các phiên tới là có thể xảy ra.

Tuy nhiên, trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán gia tăng thì VN-Index có thể sẽ cần test lại những hỗ trợ gần nhất lần lượt là 1.465-1.470 điểm (MA20) và hỗ trợ tâm lý 1.450 điểm.

Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 1/12, VN-Index có thể sẽ hồi phục trở lại để hướng dần đến ngưỡng kháng cự tâm lý 1.500 điểm.

## TIN KINH TẾ VĨ MÔ

### Khảo sát của Standard Chartered: 41% doanh nghiệp toàn cầu có kế hoạch sản xuất tại Việt Nam

Có 41% số doanh nghiệp toàn cầu được khảo sát cho là đang sản xuất hoặc có kế hoạch sản xuất tại Việt Nam trong 5 đến 10 năm tới, theo báo cáo của Ngân hàng Standard Chartered được công bố ngày 30-11.



## TIN TRONG NƯỚC

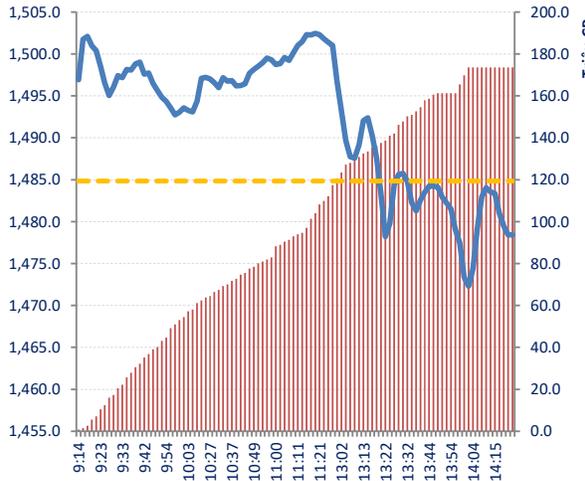
<b>Giá vàng trong nước đi ngang</b>	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 59,9 - 60,55 triệu đồng/lượng, tăng 50.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và giảm 50.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay.
<b>Tỷ giá trung tâm giảm 4 đồng</b>	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 30/11 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.139 VND/USD, giảm 4 đồng so với hôm qua.

## TIN QUỐC TẾ

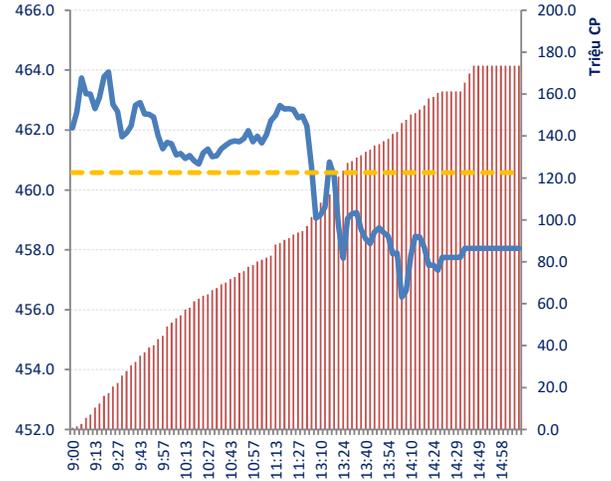
<b>Giá vàng thế giới tăng</b>	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới tăng 11,85 USD/ounce tương ứng với 0,67% lên 1.797,15 USD/ounce.
<b>Tỷ giá ngoại tệ: USD giảm</b>	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) giảm 0,628 điểm tương ứng 0,65% xuống 95,715 điểm. USD giảm so với EUR xuống: 1 EUR đổi 1,1364 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,3362 USD. USD giảm so với JPY xuống: 1 USD đổi 112,79 JPY.
<b>Giá dầu thế giới giảm</b>	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI giảm 2,12 USD/thùng tương ứng với 2,96% xuống 67,86 USD/thùng.
<b>Chứng khoán Mỹ tăng điểm</b>	Kết thúc phiên giao dịch ngày 29/11, Dow Jones tăng 236,6 điểm tương đương 0,68% lên 35.135,94 điểm. Nasdaq tăng 291,18 điểm tương đương 1,88% lên 15.782,83 điểm. Nasdaq Composite tăng 60,65 điểm tương đương 1,32% lên 4.655,27 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

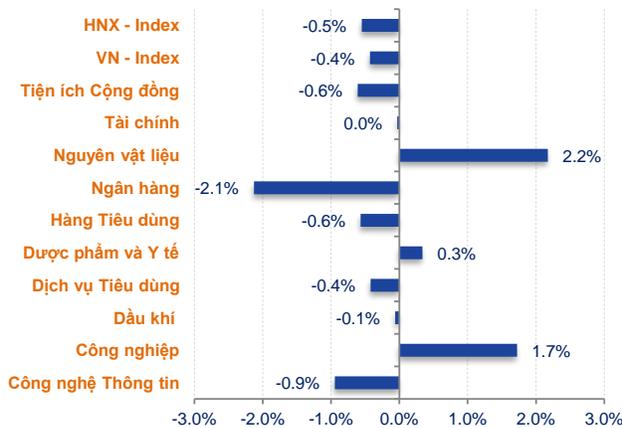
KLGD và VN-Index trong phiên



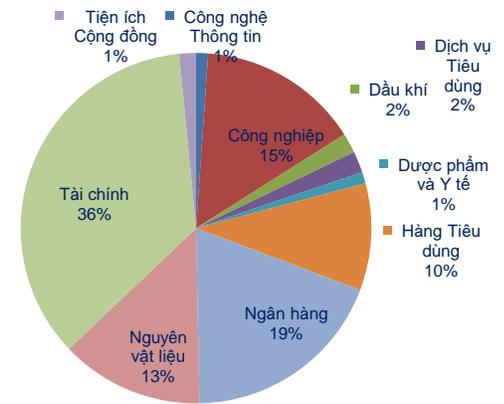
KLGD và HNX-Index trong phiên



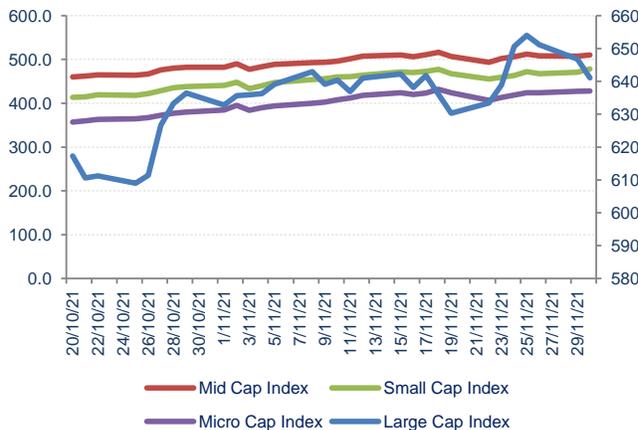
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



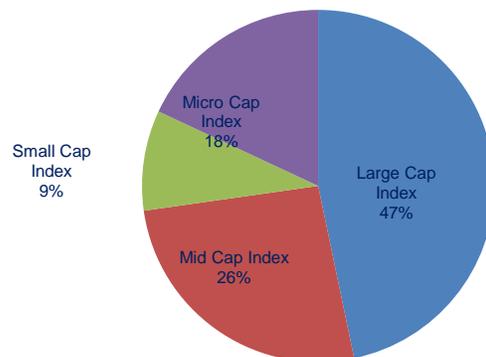
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ      Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ      Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VHM	1,485,500	SHB	3,230,200
2	VND	1,004,500	HPG	2,432,500
3	PVD	946,000	TCH	2,367,100
4	DPM	878,400	SSI	1,942,550
5	STB	876,600	HDB	1,683,940

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SHS	813,500	HUT	1,004,386
2	THD	129,400	CEO	460,580
3	PVI	124,700	IVS	133,000
4	EID	32,200	TTZ	70,000
5	PVS	24,800	NAG	67,400

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HAG	7.70	8.23	↑ 6.88%	39,284,800
STB	29.90	28.90	↓ -3.34%	35,720,000
ITA	12.90	13.20	↑ 2.33%	32,571,300
GEX	42.30	44.90	↑ 6.15%	31,613,100
FLC	15.05	14.65	↓ -2.66%	30,508,000

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HUT	15.20	16.70	↑ 9.87%	21,931,754
SHS	54.60	54.60	⇒ 0.00%	18,261,493
CEO	45.00	40.50	↓ -10.00%	10,305,268
PVS	24.80	25.40	↑ 2.42%	9,341,552
AMV	14.10	15.40	↑ 9.22%	7,720,360

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TCD	22.27	23.85	1.58	↑ 7.07%
YBM	9.86	10.55	0.69	↑ 7.00%
SVC	90.20	96.50	6.30	↑ 6.98%
VGC	50.20	53.70	3.50	↑ 6.97%
CTD	74.80	80.00	5.20	↑ 6.95%

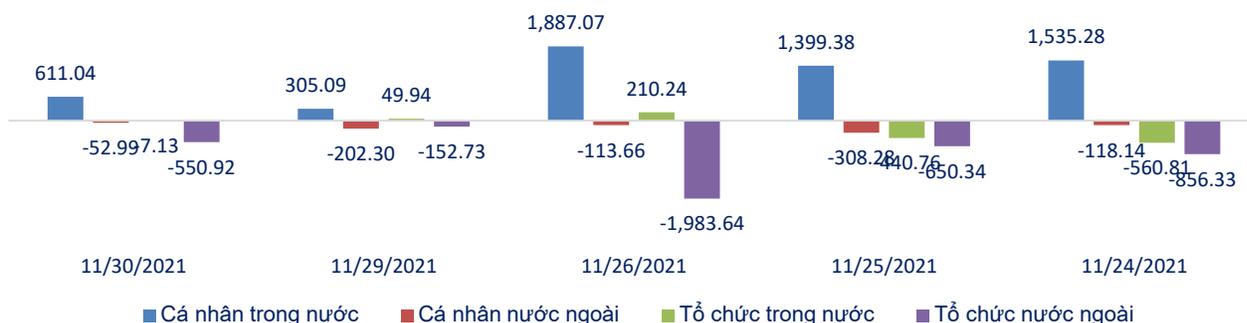
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VTV	9.00	9.90	0.90	↑ 10.00%
KVC	7.00	7.70	0.70	↑ 10.00%
VIT	17.10	18.80	1.70	↑ 9.94%
VC9	15.10	16.60	1.50	↑ 9.93%
HUT	15.20	16.70	1.50	↑ 9.87%

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
IDI	25.30	23.55	-1.75	↓ -6.92%
SJF	22.45	20.90	-1.55	↓ -6.90%
TNI	12.75	11.90	-0.85	↓ -6.67%
KDC	62.00	58.20	-3.80	↓ -6.13%
OCB	29.50	27.90	-1.60	↓ -5.42%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
MKV	18.00	16.20	-1.80	↓ -10.00%
TET	35.00	31.50	-3.50	↓ -10.00%
BPC	15.00	13.50	-1.50	↓ -10.00%
LBE	29.00	26.10	-2.90	↓ -10.00%
SDA	75.00	67.50	-7.50	↓ -10.00%

(\*) Giá điều chỉnh

**Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)**

**Top Mua ròng Cá nhân trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSN	235.57	8.4%	2,032	75.0	5.6
GEX	232.25	8.6%	1,978	21.4	1.7
HPG	148.03	44.7%	7,085	6.8	2.6
FLC	82.14	13.1%	1,967	7.7	1.1
VIC	66.58	2.9%	1,111	94.8	2.4

**Top Bán ròng Cá nhân trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	-213.43	38.3%	8,968	9.5	3.1
VND	-57.36	34.3%	4,845	16.5	3.6
VPB	-52.91	21.2%	2,772	13.9	2.7
VCI	-52.76	24.5%	3,456	22.8	4.9
SSI	-48.64	16.5%	2,054	26.9	3.2

**Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	6.62	44.7%	7,085	6.8	2.6
CTG	3.92	18.1%	3,439	10.0	1.7
FLC	3.20	13.1%	1,967	7.7	1.1
FRT	2.29	8.9%	1,446	39.6	3.4
DGW	2.29	31.6%	4,739	28.7	8.2

**Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HCM	-23.54	19.2%	2,714	18.1	3.1
FUEVFVND	-11.60	N/A	N/A	N/A	N/A
PNJ	-8.51	18.0%	4,420	22.2	4.0
VIX	-5.30	37.3%	4,224	8.5	2.1
TNH	-3.48	20.4%	3,355	19.5	3.9

**Top Mua ròng Tổ chức trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	157.67	16.5%	2,054	26.9	3.2
VHM	88.35	38.3%	8,968	9.5	3.1
VPB	54.36	21.2%	2,772	13.9	2.7
FPT	42.22	20.4%	4,436	22.1	4.4
DBD	41.85	15.9%	2,923	19.6	2.9

**Top Bán ròng Tổ chức trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
GEX	-185.27	8.6%	1,978	21.4	1.7
MSN	-128.79	8.4%	2,032	75.0	5.6
FLC	-82.49	13.1%	1,967	7.7	1.1
DIG	-76.19	13.1%	1,523	46.0	5.3
STB	-44.34	11.1%	1,864	16.0	1.7

**Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	124.29	38.3%	8,968	9.5	3.1
VND	80.48	34.3%	4,845	16.5	3.6
VCI	52.46	24.5%	3,456	22.8	4.9
DGC	47.01	29.1%	7,717	20.7	5.3
DIG	45.33	13.1%	1,523	46.0	5.3

**Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-125.39	44.7%	7,085	6.8	2.6
SSI	-108.29	16.5%	2,054	26.9	3.2
VIC	-107.95	2.9%	1,111	94.8	2.4
MSN	-106.81	8.4%	2,032	75.0	5.6
SHB	-75.45	17.8%	2,169	11.1	1.8



## Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HAG	39,284,800	-18.4%	(1,220)	-	1.4
STB	35,720,000	3250.0%	1,864	16.0	1.7
ITA	32,571,300	1.5%	174	74.3	1.1
GEX	31,613,100	8.6%	1,978	21.4	1.7
FLC	30,508,000	13.1%	1,967	7.7	1.1

## Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HUT	21,931,754	-9.9%	(1,066)	-	1.5
SHS	18,261,493	25.5%	3,209	17.0	2.6
CEO	10,305,268	-4.7%	(606)	-	3.6
PVS	9,341,552	4.6%	1,238	20.0	0.9
AMV	7,720,360	4.4%	621	22.7	1.1

## Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
TCD	↑ 7.1%	33.8%	4,673	7.4	2.5
YBM	↑ 7.0%	5.7%	704	14.0	0.8
SVC	↑ 7.0%	8.7%	4,614	19.5	1.7
VGC	↑ 7.0%	12.5%	2,010	25.0	3.0
CTD	↑ 7.0%	2.2%	2,426	30.8	0.7

## Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VTV	↑ 10.0%	0.4%	57	157.9	0.7
KVC	↑ 10.0%	-7.3%	(748)	-	0.7
VIT	↑ 9.9%	11.6%	1,610	10.6	1.4
VC9	↑ 9.9%	-67.4%	(7,560)	-	2.5
HUT	↑ 9.9%	-9.9%	(1,066)	-	1.5

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	1,485,500	38.3%	8,968	9.5	3.1
VND	1,004,500	34.3%	4,845	16.5	3.6
PVD	946,000	0.2%	69	375.0	0.8
DPM	878,400	18.4%	4,029	12.1	2.1
STB	876,600	11.1%	1,864	16.0	1.7

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	813,500	25.5%	3,209	17.0	2.6
THD	129,400	25.2%	4,694	53.6	15.2
PVI	124,700	11.0%	3,563	13.2	1.5
EID	32,200	16.7%	3,497	7.0	1.1
PVS	24,800	4.6%	1,238	20.0	0.9

## Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	400,689	2.9%	1,111	94.8	2.4
VCB	374,968	20.4%	5,696	17.8	3.4
VHM	369,250	38.3%	8,968	9.5	3.1
HPG	216,489	44.7%	7,085	6.8	2.6
GAS	190,247	16.9%	4,384	22.7	3.8

## Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	88,060	25.2%	4,694	53.6	15.2
IDC	24,000	11.8%	1,805	44.3	5.1
KSF	21,360	8.8%	766	93.0	3.6
VCS	19,328	41.5%	11,163	10.8	4.1
BAB	18,075	8.6%	979	24.5	2.0

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
DRH	2.66	2.1%	292	80.3	1.7
BSI	2.63	17.7%	2,241	22.3	3.7
HAI	2.36	0.7%	87	76.1	0.6
TLH	2.21	29.0%	4,801	4.9	1.3
IJC	2.18	23.5%	3,643	8.3	2.0

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
HHG	3.16	-26.1%	(1,987)	-	1.0
APS	3.11	22.8%	1,748	30.1	4.7
PVL	3.05	9.9%	475	47.0	4.4
L18	3.02	4.5%	683	81.2	3.9
VHE	2.95	0.6%	68	159.4	1.0



Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**P.Trưởng phòng: Ngô Thế Hiền**  
[hien.nth@shs.com.vn](mailto:hien.nth@shs.com.vn)

**Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành**  
[thanh.nk@shs.com.vn](mailto:thanh.nk@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng**  
[thang.nd@shs.com.vn](mailto:thang.nd@shs.com.vn)

*Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.*

*Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.*

*SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.*

*Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation*

---

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

**Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

**Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

**Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,  
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,  
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

**Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)

---